

# THAY ĐỔI TRONG BÀI THI A2 KEY (KET) VÀ B1 PRELIMINARY (PET) TỪ THÁNG 1/2020

## I. A2 KEY (KET) TỪ THÁNG 1/2020

Kể từ tháng 1 năm 2020, bài thi A2 Key có nhiều sự thay đổi về cấu trúc và độ dài câu hỏi.

So sánh sự khác nhau dựa trên cấu trúc của từng phần thi

### 1. PHẦN ĐỌC VÀ VIẾT – READING AND WRITING

**Số câu hỏi** sẽ ít hơn bài thi trước và **thứ tự** các phần cũng có sự thay đổi. Ngoài ra cũng có thay đổi về hình thức một số phần thi.

A2 Key trước tháng 1/2020			A2 Key sau tháng 1/2020		
Phần	Số câu hỏi		Phần	Số câu hỏi	
		9 phần – 56 câu hỏi			7 phần – 32 câu hỏi
1	5	Có 8 bảng hiệu, thông báo, hoặc đoạn văn ngắn (A-H) và 5 câu văn. Bạn phải nối từng câu với bảng hiệu, thông báo phù hợp.	1	6	<b>MỚI:</b> Đọc hiểu 6 mẫu tin ngắn và mỗi mẫu tin có 3 câu văn liên quan đến mẫu tin đó. Chọn câu văn phù hợp (A, B, C) với mẫu tin ứng
2	5	5 câu văn có cùng 1 chủ đề hay 1 câu chuyện. Mỗi câu văn sẽ có 1 từ còn thiếu, bạn phải chọn các từ phù hợp nhất	2	7	Đọc 3 đoạn văn ngắn có cùng chủ đề và 7 câu hỏi. Chọn các đáp án A, B hoặc C để trả lời câu hỏi dựa trên nội dung của 3 đoạn văn. <b>Tương tự như cấu trúc chọn trắc nghiệm 1 đáp án của Part 4 trong bài thi cũ nhưng không còn là đáp án Đúng/Sai/Không đề cập nữa.</b>

3	10	Phần 3 chia làm 2 phần nhỏ – phần đầu tiên (đoạn đối thoại) gồm 5 câu hỏi và 5 câu trả lời, bạn sẽ chọn các đáp án A, B hoặc C phù hợp với điều người nói/người nghe còn lại nói sau đó. Phần thứ hai là đoạn hội thoại dài hơn, bạn sẽ chọn 5 trong 8 câu văn (A-H) để hoàn thành một đoạn đối thoại bị thiếu mất 5 câu .	3	5	Đọc bài đọc dài và chọn đáp án thích hợp ứng với A, B hoặc C để trả lời câu hỏi dựa trên bài đọc. <b>Tương tự như cấu trúc chọn trắc nghiệm 1 đáp án của Part 4 trong bài thi trước đây.</b>
4	7	Đọc 1 đoạn văn dài hoặc 3 đoạn văn ngắn và chọn các đáp án A, B, C ứng với nội dung câu hỏi so với nội dung đoạn văn là Đúng, Sai hay Không đề cập.	4	6	<b>. Giống với Part 5 của bài thi cũ nhưng giảm 2 câu hỏi, còn 6 câu.</b>
5	8	Một đoạn văn có 8 ô trống được đánh số, bạn phải chọn từ thích hợp để điền vào chỗ trống ứng với đáp án A, B hoặc C.	5	6	<b>Giống với Part 7 bài thi cũ nhưng giảm 2 câu hỏi, còn 6 câu.</b>
6	5	Tìm ra từ vựng bằng định nghĩa cho sẵn và gợi ý chữ cái đầu, số ký tự của từ đó.			

7	10	Đoạn văn ngắn có 10 chỗ trống ứng với 10 từ còn thiếu. Bạn phải điền từ thích hợp vào chỗ trống.			
8	5	Đọc một hoặc hai đoạn văn ngắn và dùng những thông tin trong đoạn văn đó để điền vào những chỗ trống trong mẫu tin nhắn hay ghi chú.			
9	1	Viết một bức thư, tin nhắn, ghi chú ngắn hay bưu thiếp. Hướng dẫn sẽ cho biết phải viết cho ai và viết về cái gì. <b>Bạn cần viết khoảng 25 – 35 từ.</b>	6	1	Viết một mẫu tin nhắn để trả lời theo thông tin cho sẵn. <b>Tương tự như Part 9 bài thi trước đây nhưng thí sinh được viết 25 từ hoặc hơn.</b>
			7	1	<b>MỚI:</b> Viết một câu chuyện ngắn dựa trên 3 bức tranh cho sẵn, bạn phải viết từ 35 từ trở lên.

## 2. PHẦN NGHE – LISTENING

Số phần và số câu hỏi vẫn như cũ nhưng **thứ tự các phần** có sự **thay đổi** và có thêm **hình thức đề bài mới**

A2 Key trước tháng 1/2020			A2 Key sau tháng 1/2020		
Phần	Số câu hỏi	5 phần – 25 câu hỏi	Phần	Số câu hỏi	5 phần – 25 câu hỏi

1	5	Chọn đáp án A, B, C theo những bức hình để trả lời 5 câu hỏi ứng với 5 đoạn hội thoại nghe được.	1	5	Không thay đổi
2	5	Sẽ có 2 danh sách từ. Sử dụng 5 từ trong danh sách 8 từ (A-H) để nối với 5 từ bên danh sách còn lại theo nội dung bài nghe (ví dụ như món ăn yêu thích nối với tên người).	2	5	<b>Tương tự Part 5 bài thi trước đây.</b>
3	5	Chọn các câu trả lời A, B hoặc C để trả lời câu hỏi theo đoạn đối thoại nghe được.	3	5	Không thay đổi.
4	5	Nghe thông tin từ đoạn đối thoại và điền những thông tin còn thiếu vào một mẫu tin nhắn hay ghi chú.	4	5	<b>MỚI:</b> Nghe 5 đoạn ghi âm ngắn khác nhau, đọc thoại hoặc đối thoại, có tình huống, ngữ cảnh riêng. Chọn câu trả lời ứng với các đáp án A, B hoặc C để trả lời câu hỏi.
5	5	Nghe thông tin từ đoạn đọc thoại và điền những thông tin còn thiếu vào chỗ trống trong mẫu tin hay ghi chú.	5	5	<b>Tương tự Part 2 bài thi trước đây.</b>

### 3. PHẦN NÓI – SPEAKING

Số phần vẫn như cũ nhưng **phần 2** của bài thi Nói **thay đổi về hình thức thi.**

<b>A2 Key trước tháng 1/2020</b>	<b>A2 Key sau tháng 1/2020</b>
2 phần	2 phần

<b>Phần 1</b> (5-6 phút)	Nói với giám khảo. Giới thiệu bản thân và trả lời một số thông tin về cuộc sống hàng ngày, trải nghiệm trong quá khứ và dự định tương lai. Ví dụ, bạn có thể nói về học tập, công việc, sở thích hoặc nơi ở.	<b>Phần 1</b> (3-4 phút)	Không thay đổi ngoài trừ thời gian phần thi.
<b>Phần 2</b> (3-4 phút)	Nói với bạn cùng thi. Bạn sẽ đặt câu hỏi và trả lời. Giám khảo sẽ phát cho bạn những thẻ hình có thông tin, trong khi bạn cùng thi sẽ được thẻ hình có từ gợi ý. Bạn cùng thi sẽ dùng từ trên thẻ để hỏi về thông tin mà bạn có. Sau đó 2 người sẽ đổi vai.	<b>Phần 2</b> (5-6 phút)	<b>MỚI:</b> Hai thí sinh nói 1 về bức tranh với các gợi ý cho trước, trả lời câu hỏi chủ đề, ví dụ như "holiday". Mỗi thí sinh lần lượt nói trong vòng 1 phút. Sau đó chọn 1 phương án tốt nhất. Trong phần nói, thí sinh cần so sánh, mô tả và thể hiện quan điểm.

#### 4. THAY ĐỔI CÁCH THỨC GỌI TÊN KẾT QUẢ TRÊN PHIẾU ĐIỂM VÀ CHỨNG CHỈ

Tất cả bài thi đạt 100-150 điểm đều được cấp chứng chỉ. Tuy nhiên, có sự thay đổi về cách thức gọi tên kết quả của chứng chỉ, cụ thể:

- Kết quả bài thi đạt 140 – 150 điểm: Đạt Grade A (trước đây là xếp loại Xuất sắc-Pass with Distinction)
- Kết quả bài thi đạt 133 – 139 điểm: Đạt Grade B (trước đây là xếp loại Giỏi-Pass with Merit)
- Kết quả bài thi đạt 120 – 132 điểm: Đạt Grade C (trước đây là Đạt Pass)
- Kết quả bài thi đạt 100 – 119 điểm: Nhận Chứng chỉ công nhận năng lực A1

## II. B1 PRELIMINARY (PET) TỪ THÁNG 1/2020

Kể từ tháng 1/2020, bài thi B1 Preliminary (PET) có sự thay đổi về số câu hỏi, thứ tự các phần thi và hình thức đề bài.

So sánh sự khác nhau dựa trên cấu trúc của các phần thi.

Đầu tiên, **phần Đọc và Viết – Reading and Writing** đã được tách ra làm hai phần độc lập, không còn gộp chung như trước.

### 1. PHẦN ĐỌC – READING

Phần Đọc – Reading có một số **thay đổi về số lượng câu hỏi (ít hơn)**, thứ tự các phần và **kiểu đề bài mới**.

Thời gian làm bài còn 45 phút, so với trước đây là 90 phút (chia đều 45 phút cho phần Viết – Writing)

B1 Preliminary trước tháng 1/2020			B1 Preliminary từ tháng 1/2020		
Phần	Số câu hỏi		Phần	Số câu hỏi	
1	5	Có 5 đoạn văn ngắn (mẫu ghi chú, tin nhắn, nhãn mác,..) và mỗi đoạn văn có 3 câu mô tả. Bạn phải chọn đáp án A, B hoặc C ứng với mô tả phù hợp với đoạn văn đó.	1	5	Không thay đổi
2	5	5 đoạn mô tả ngắn về 5 người và 8 đoạn văn ngắn (A-H). Nối đoạn mô tả người với đoạn văn ngắn tương ứng.	2	5	Không thay đổi
3	10	1 bài đọc dài và 10 câu hỏi. Chọn Đúng/Sai cho mỗi câu hỏi dựa trên thông tin bài đọc.	3	5	<b>Tương tự Part 4 bài thi trước đây.</b>
4	5	Đọc 1 bài dài và trả lời 5 câu hỏi. Chọn đáp A, B, C, D để trả lời câu hỏi dựa trên thông tin bài đọc.	4	5	<b>MỚI:</b> Một văn bản dài có 5 chỗ trống. Chọn câu văn thích hợp (A-H) điền vào chỗ trống để hoàn thành bài văn.
5	10	1 đoạn văn có 10 ô trống. Chọn đáp án A, B, C, D để điền từ còn thiếu vào chỗ trống trong đoạn văn.	5	6	<b>Tương tự Part 5 bài thi trước nhưng giảm bớt 4 ô trống, còn 6 ô.</b>
			6	6	<b>MỚI:</b> Một đoạn văn có 6 chỗ trống. Điền <b>MỘT</b> từ thích hợp vào mỗi chỗ trống

## 2. PHẦN VIẾT – WRITING

Phần Viết – Writing có **sự thay đổi số phần, số câu hỏi (giảm phần và giảm câu hỏi)**

Thời gian: 45 phút (chia đều với phần Đọc – Reading so với trước đây gồm 90 phút)

B1 Preliminary trước tháng 1/2020			B1 Preliminary từ tháng 1/2020		
Phần	Số câu hỏi	3 phần – 7 câu hỏi	Phần	Số câu hỏi	2 phần – 2 câu hỏi
1	5	5 câu hỏi có cùng chủ đề. Mỗi câu hỏi là một cặp câu. Trong đó có 1 câu đầy đủ và 1 câu sẽ thiếu vài chữ. Hoàn thành câu thứ 2 với ý nghĩa tương đương câu thứ nhất.	1	1	<b>Tương tự Part 2 bài thi nhưng cố định là viết email với khoảng 100 từ, dài hơn so với trước đây (35 – 45 từ).</b>
2	1	Viết một mẫu tin ngắn (email, bưu thiếp, ghi chú,..) bạn cần phải viết 35-45 từ. Hướng dẫn ở đề bài sẽ cho bạn biết bạn phải viết cho ai và viết về vấn đề gì.	2	1	<b>Tương tự như Part 3 bài thi cũ nhưng lựa chọn viết bài báo (article) được thay thế cho lựa chọn viết thư.</b>
3	1	Chọn 1 trong 2 đề bài, viết một bức thư không trang trọng (informal letter) hoặc một câu chuyện, bạn cần phải viết 100 từ.			

### 3. PHẦN LISTENING

Phần Nghe – Listening vẫn giữ nguyên số phần và số câu hỏi, tuy nhiên có **sự thay đổi về thứ tự các phần**.  
 Thời lượng không thay đổi: 36 phút (gồm 6 phút chép đáp án sang phiếu trả lời)

B1 Preliminary trước tháng 1/2020			B1 Preliminary từ tháng 1/2020		
Phần	Số câu hỏi	4 phần – 25 câu hỏi	Phần	Số câu hỏi	4 phần – 25 câu hỏi
1	7	Bạn sẽ được nghe 7 đoạn hội thoại ngắn. Chọn các đáp án A, B, C ứng theo bức tranh phù hợp để trả lời câu hỏi.	1	7	Không thay đổi

2	6	Bạn sẽ được nghe 1 bài nghe dài hơn (1 cuộc đối thoại hay 1 đoạn độc thoại) Chọn các đáp án A, B, C để trả lời 6 câu hỏi.	2	6	<b>MỚI:</b> Nghe 6 bài nghe ngắn, chọn các câu trả lời ứng với đáp án A, B hoặc C để trả lời câu hỏi.
3	6	Nghe 1 đoạn độc thoại và điền thông tin còn thiếu vào 6 ô trống của một ghi chú tóm tắt nội dung bài nghe.	3	6	Không thay đổi
4	6	Nghe 1 đoạn đối thoại dài và quyết định xem 6 câu hỏi là Đúng/Sai.	4	6	<b>Tương tự như Part 2 bài thi trước đây.</b>

#### 4. PHẦN NÓI - SPEAKING

Phần Nói – Speaking không có quá nhiều sự thay đổi ngoại trừ **thứ tự các phần**.

Thời lượng: 10-12 phút.

B1 Preliminary trước tháng 1/2020		B1 Preliminary từ tháng 1/2020	
4 phần		4 phần	
Phần 1 (2-3 phút)	Nói với giám khảo. Giới thiệu và trả lời những thông tin về bản thân bạn như trải nghiệm trong quá khứ, học tập, công việc, sở thích, kế hoạch tương lai.	Phần 1 (2-3 phút)	Không thay đổi
Phần 2 (2-3 phút)	Nói với bạn cùng thi. Giám khảo sẽ cho 2 bạn vài tấm ảnh và mô tả tình huống liên quan đến những tấm ảnh đó, bạn sẽ phải thảo luận với bạn cùng thi và quyết định lựa chọn giải quyết tình huống đó.	Phần 2 (2-3 phút)	<b>Tương tự Part 3 bài thi trước đây nhưng những bức hình giám khảo phát cho thí sinh sẽ không nhất thiết có cùng chủ đề.</b>
Phần 3 (3 phút)	Giám khảo sẽ phát một tấm hình có màu và thí sinh phải nói về bức hình đó. Phần thi này bạn sẽ nói với giám khảo.	Phần 3 (3 phút)	<b>Tương tự Part 2 bài thi trước đây.</b>
Phần 4 (3 phút)	Nói với bạn thi cùng. Thảo luận sâu hơn về chủ đề liên quan ở phần 3, thường sẽ nói về quan	Phần 4 (3 phút)	<b>Tương tự như Part 4 bài thi trước đây nhưng hai thí sinh sẽ nói về tình huống ở Part 3</b>



	điểm thích/không thích, kinh nghiệm, thói quen,...		<b>thay vì những bức tranh ở Part 2.</b>
--	--	--	--

### **THAY ĐỔI VỀ CÁCH THỨC GỌI TÊN KẾT QUẢ TRÊN PHIẾU ĐIỂM VÀ CHỨNG CHỈ**

Tất cả bài thi đạt 120-170 điểm đều được cấp chứng chỉ. Tuy nhiên, có sự điều chỉnh về cách thức gọi tên của bài thi, cụ thể:

Kết quả bài thi đạt 160 – 170 điểm: Đạt Grade A (trước đây là xếp loại Xuất sắc – Pass with Distinction)

Kết quả bài thi đạt 153 – 159 điểm: Đạt Grade B (trước đây là xếp loại Giỏi – Pass with Merit)

Kết quả bài thi đạt 140 – 152 điểm: Đạt Grade C (trước đây là Đạt – Pass)

Kết quả bài thi đạt 120 – 139 điểm: Chỉ nhận chứng chỉ A2